

Số /QĐ-UBND

Nông Công, ngày tháng năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Công Chính,
huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng: Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định Số 1953/QĐ-UBND ngày 06/07/2021 của UBND huyện Nông Công về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán quy hoạch chung xây dựng xã Công Chính, huyện Nông Công đến năm 2030.

Căn cứ Văn bản tham gia ý kiến nội dung quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Lĩnh số 1578/SXD-QH ngày 14/3/2022 của Sở Xây dựng; Văn bản số 599/SNN&PTNT-KHTC ngày 23/02/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn bản số 953/SGTVT-KHTC ngày 04/3/2022 của Sở Giao thông vận tải; Văn bản số 904/ BQLKKTNS&KCN-QLQH ngày 23/3/2022 của Ban quản lý KKTNS và các khu công nghiệp;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 54/TĐ-KTHT ngày 15/4/2022 về quy hoạch chung xây dựng xã Công Chính, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Công Chính, huyện Nông Cống đến năm 2030 với nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

a. *Tên đồ án:* Quy hoạch chung xây dựng xã Công Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

b) *Phạm vi danh giới lập quy hoạch*

Phạm vi danh giới lập quy hoạch toàn bộ địa giới hành chính xã Công Chính, với tổng diện tích tự nhiên là 1.373,88 ha, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc tiếp giáp xã Công Liêm, huyện Nông Cống;
- Phía Đông tiếp giáp xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống;
- Phía Đông Nam tiếp giáp xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia;
- Phía Nam và Tây Nam tiếp giáp xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống;
- Phía Tây tiếp giáp xã Yên Lạc, huyện Như Thanh.

2. Quan điểm, mục tiêu, tính chất lập quy hoạch

a) *Mục tiêu:* Tại đồ án quy hoạch nêu trên đã cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại Nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch, được UBND huyện Nông Cống phê duyệt tại Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 06/07/2021.

b) *Tính chất chức năng của xã:* Quy hoạch xây dựng xã Công Chính là quy hoạch xây dựng nông thôn; Tính chất chức năng chủ đạo của xã Là khu vực cận đô thị, phát triển nhanh, bền vững theo hướng đa ngành, phát triển theo hướng công nghiệp xây dựng và dịch vụ thương mại.

3. Dự báo phát triển và các chỉ tiêu kỹ thuật

3.1. Dự báo quy mô dân số và lao động

- *Dự báo quy mô dân số*

+ Dân số hiện trạng đến tháng 12/2020: Khoảng 7.440 người.

(Nguồn số liệu: Chi cục thống kê huyện Nông Cống).

+ Đến năm 2025: khoảng 8.519 người, số người trong tuổi lao động chiếm 62% dân số toàn xã (khoảng 5282 người), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp chiếm khoảng 29%, lao động trong các ngành nghề khác khoảng 71%, trong đó lao động qua đào tạo đạt 72%.

+ Đến năm 2030: khoảng 9.967 người, số người trong tuổi lao động chiếm 60% dân số toàn xã (khoảng 5980 người), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp chiếm khoảng 25 %, lao động trong các ngành nghề khác khoảng 75%.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

* Về sử dụng đất:

- Bình quân đất xây dựng: $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất ở: $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất cây xanh công cộng và dịch vụ: $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: 5-6 $\text{m}^2/\text{người}$;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 4-5 $\text{m}^2/\text{người}$.

(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)

* **Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:**

- Cấp nước sinh hoạt: $\geq 60 \text{ lít/người/ngày-đêm}$;
- Cấp điện sinh hoạt: $\geq 150\text{W}/\text{người/ngày/đêm}$; Chiều sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$;
- Nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lượng nước cấp;
- Chất thải rắn sinh hoạt: 0,9 kg rác/người/ngày/đêm. *(lấy theo chỉ tiêu đô thị loại V).*

4. Phân khu chức năng

4.1. Khu trung tâm xã:

Khu trung tâm của xã hiện nay đang hình thành, nằm trên trục đường tỉnh lộ 505, kết nối tất cả các thôn trong xã thông qua các tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ và các đường trục xã, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: UBND xã, nhà văn hóa, bưu điện, trường học, trạm y tế, hợp tác xã ...

4.2. Khu dân cư tập trung:

- Chính trang các khu dân cư hiện hữu phù hợp với cảnh quan và phát triển dân cư theo hướng nông thôn mới nâng cao và tiến tới đô thị.
- Quy hoạch các khu dân cư mới tập trung gắn với phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

4.3. Khu sản xuất tập trung:

- Vùng sản xuất nông nghiệp: Xây dựng vùng nông nghiệp công nghệ cao (ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất thức ăn xanh trong chăn nuôi), xây dựng vùng lúa chất lượng cao ở các thôn trại tập trung; đưa các loại giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao vào sản xuất.

- *Khu vực sản xuất kinh doanh:*

+ Bố trí phát triển khu công nghiệp tại khu vực phía tây của xã giáp xã Yên Lạc huyện Như Thanh

+ Phát triển các khu sản xuất kinh doanh, thương mại - dịch vụ gắn với phát triển cụm công nghiệp, các khu vực thương mại dịch vụ bám vào các trục đường chính của xã, đảm bảo thuận tiện giao thông, phù hợp với kiến trúc cảnh quan

4.4. Khu vực phát triển rừng gắn với bảo vệ môi trường sinh thái:

Bố trí bảo vệ và phát triển khu rừng gắn bảo vệ môi trường sinh thái tại khu vực phía đông của xã (khu vực đất lâm nghiệp) diện tích khoảng 231ha.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.

5.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

+ Vị trí khu trung tâm xã thôn Tân Luật bao gồm các khối công trình: Mở rộng công sở xã Công Chính (Trụ sở UBND xã, công an xã, ban chỉ huy quân sự xã, nhà văn hóa xã ...); Quy hoạch mới sân thể thao, buro điện, trường mầm non, Chợ kết hợp thương mại dịch vụ; giữ nguyên đài tưởng niệm, trường tiểu học, trường THCS.

+ Không gian khu trung tâm xã được tổ chức đồng bộ từ chiều cao đến khoảng lùi và kiểu dáng kiến trúc, tạo điểm nhấn trong khu trung tâm.

+ Hệ thống giao thông theo dạng ô cờ lầy đường tỉnh lộ 505 làm trục chính, quy hoạch nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục xã (đường đảm bảo 2 làn xe và có vỉa hè hai bên từ 2 đến 3 m tùy từng vị trí), nhằm khai thác tốt nhất hiện trạng và giảm thiểu biến động cơ cấu giao thông hiện có của khu vực.

+ Việc quy hoạch sắp xếp lại khu vực trung tâm xã đảm bảo giao thông thuận lợi cho công tác đối nội, đối ngoại và nhu cầu phục vụ cho người dân trong toàn xã một cách tốt nhất.

5.2. Định hướng tổ chức và cải tạo khu dân cư

- Trên cơ sở 10 thôn hiện nay xác định được giữ nguyên vị trí 7 thôn và di chuyển, tái định cư 3 thôn (thôn Rọc Năn, Tam Hòa, Giải Trại) nhằm phát triển khu công nghiệp. Đối với các thôn giữ nguyên vị trí cần chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

- Quy hoạch quỹ đất phát triển khu tái định cư: Khu tái định cư thôn Rọc Năn, Tam Hòa, Giải Trại tại khu vực phía đông đường sắt cao tốc giáp khu dân cư thôn Hòa Giáo và Tân Luật tổng diện tích đất khu tái định cư 22,18ha

- Để phục vụ nhu cầu về đất ở đáp ứng sự gia tăng dân số cần xây dựng thêm các khu dân cư mới có kết cấu hạ tầng đồng bộ, các điểm xen cư trên cơ sở tiếp cận hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu và lựa chọn các khu vực đất chưa sử dụng, đất nông nghiệp năng suất thấp, đất sen kẹt; trên cơ sở đó xác định các vị trí cụ thể như sau:

Quy hoạch mới khu dân cư tại thôn Hòa Giáo, Tân Luật 18,94 ha;

Quy hoạch mới khu dân cư tại khu trung tâm xã 1,67 ha.

- Tổng diện tích đất dân cư mới và khu tái định cư đến năm 2030 là 43,54ha.

5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp

a) Khu trung tâm thương mại, dịch vụ, công nghiệp

- Quy hoạch đất hợp tác xã và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp 1,84ha.

- Quy hoạch mới chợ kết hợp DVTM tại thôn Tân Luật, diện tích 1,23ha.
- Quy hoạch khu SXKD thôn Hồng Thái diện tích 2,04 ha.
- Quy hoạch khu công nghiệp quy mô diện tích khoảng 297 ha. Lấy diện tích đất 3 thôn bao gồm thôn Giải Trại, Tam Hòa, Rọc Năn.

b) Khu vực sản xuất nông nghiệp

+ Xây dựng vùng nông nghiệp công nghệ cao tại thôn Tân Chính diện tích khoảng 10 ha;

+ Xây dựng vùng nông nghiệp công nghệ cao (xây dựng vùng làm thức ăn xanh) tại thôn Tân Tiến diện tích 70 ha

- Quy hoạch vùng trang trại tập trung thôn Tân Tiến quy mô diện tích 2,1 ha, nhằm phát triển các trang trại tổng hợp, tăng thu nhập cho nhân dân.

e) Định hướng phát triển các công trình công cộng, dịch vụ:

TT	Tên công trình	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030									
		Vị trí	DT đất (m ²)	Định hướng quy hoạch	Vị trí	DT QH đến (m ²)	Tầng cao	Mật độ XD (%)	Diện tích cây xanh (%)				
I	Công trình khu trung tâm xã												
1	Công sở UBND, nhà văn hoá xã	Thôn Tân Luật	4800	Mở rộng	Thôn Tân Luật	6.400	2-3	≤50	≥20				
2	Trụ sở công an, ban chỉ huy quận sự xã			Khuôn viên UBND xã									
3	Bưu điện văn hoá xã			QH mới						200	1-2	≤70	≥10
4	Trạm y tế xã	Thôn Tân Luật	2900	Giữ nguyên vị trí						2900	2-3	≤40	≥30
5	Chợ nông thôn kết hợp dịch vụ thương mại			QH mới						12.300	1-2	≤40	≥30
6	Trung tâm thể thao xã			QH mới						17.000	1-2	≤10	≥20
7	Trường mầm non			QH mới						8.500	2-3	≤40	≥30
8	Trường tiểu học	Thôn Tân Luật	8900	Giữ nguyên vị trí						8900	2-3	≤40	≥30
9	Trường THCS	Thôn Tân Luật	9200	Giữ nguyên vị trí						9200	2-3	≤40	≥30
10	Bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ	Thôn Tân Luật	600	Giữ nguyên vị trí						600	1	≤30	≥40
II	Công trình ngoài khu trung tâm												
1	Nhà văn hóa , sân thể thao	Tân Chính	1100	Mở rộng		4700	1-2	≤20	≥40				
2	Nhà văn hóa , sân thể thao	Hòa Giáo		Quy hoạch mới		4900							
3	Nhà văn hóa	Tân Luật	1831	Giữ nguyên		1831	1-2	≤25	≥40				

TT	Tên công trình	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030					
		Vị trí	DT đất (m ²)	Định hướng quy hoạch	Vị trí	DT QH đến (m ²)	Tầng cao	Mật độ XD (%)	Diện tích cây xanh (%)
	Sân thể thao		5870	vị trí		5870			
4	Nhà văn hóa	Thái Sơn	820	Quy hoạch mới		3700	1-2	≤20	≥40
	Sân thể thao		7854	Giữ nguyên vị trí		7854			
5	Nhà văn hóa	Thái Yên	809	Quy hoạch mới		3400	1-2	≤20	≥40
	Sân thể thao		1938			4528			
6	Nhà văn hóa , sân thể thao	Hồng Thái	1500	Mở rộng		4900	1-2	≤20	≥40
7	Nhà văn hóa , sân thể thao	Tân Tiến	1929	Mở rộng		6129	1-2	≤20	≥40
8	Nhà văn hóa	Giải Trại	1778	Theo quy hoạch khu tái định cư mới					
	Sân thể thao		6465						
9	Nhà văn hóa	Tam Hòa	1562						
	Sân thể thao		4745						
10	Nhà văn hóa	Rọc Năn	895						
	Sân thể thao		4560						

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

6.1. Công trình hạ tầng sản xuất.

- Đường trục chính nội đồng: Bao gồm 12 tuyến chính, tổng chiều dài là 11,17 km, đã cứng hoá được 5,41 km, tuy nhiên, trong quá trình sử dụng các tuyến đường giao thông nội đồng đã bị hư hỏng, xuống cấp nhiều. Dự kiến đến năm 2030, bê tông hóa 5,76 km; nâng cấp tu sửa 5,41 km, quy mô chung như sau: lòng đường: 4,5-5,5 m; nền đường 7,5 - 9,5m.

- Hệ thống thủy lợi, hồ đập, trạm bơm

+ Dự án xây dựng kênh N2 kéo dài

- Bảo dưỡng trạm bơm Trạm bơm Bến Chuồng quy mô công suất máy 5x540m³/h.

+ Đến năm 2030 nâng cấp, nạo vét các tuyến kênh mương chính đảm bảo nhu cầu cấp nước sản xuất.

+ Mở rộng khu chứa nước đảm bảo an toàn đập Rọc Phường 2,8 ha, xây dựng kiên cố đập Rọc Phường và xây dựng mương tiêu thoát nước Rọc Phường thôn Thái Sơn.

+ Bảo dưỡng, nạo vét hồ, đập Rọc Giếng và xây dựng mương tiêu thoát nước Đập Rọc Giếng thôn Tân Luật

+ Xây dựng kiên cố trục tiêu thoát nước Rọc Tùng

+ Xây dựng Trạm bơm tiêu và đê Hồng Thái

6.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật.

6.2.1. Hệ thống giao thông.

- Đường tỉnh lộ:

+ Đường bộ cao tốc bắc nam: chiều dài 3,5km, được thiết kế đảm bảo quy mô 6 làn xe theo "Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030". Hiện nay tuyến đang được triển khai đầu tư xây dựng, đạt tốc độ 80km/h, quy mô 4 làn xe.

+ Tỉnh lộ 505 cải dịch: chiều dài 3,9km, đến năm 2030 nâng cấp, mở rộng đạt đường cấp III, mặt cắt ngang như sau: Lòng đường 12,0m; hành lang bảo vệ đường bộ 30m (2 x 15 m); lộ giới 42m.

+ Tỉnh lộ 512 kéo dài: chiều dài 2,7 km, đến năm 2030 xây mới đạt đường cấp III, đạt mặt cắt ngang như sau: Lòng đường 24,0m; dây phân cách 3m, hành lang bảo vệ đường bộ 12m (2 x 6 m); lộ giới 39m.

+ Đường tỉnh lộ 505 (thôn Thái Sơn đi Hồng Thái) chiều dài 1,5 km, đến năm 2030 nâng cấp, mở rộng mặt cắt ngang như sau: Lòng đường 7,5m; hành lang bảo vệ đường bộ 10m (2 x 5 m); lộ giới 17,5m.

Đường tỉnh lộ 512 (thôn Hồng Thái) chiều dài 0,4 km, đến năm 2030 nâng cấp, mở rộng mặt cắt ngang như sau: Lòng đường 7,5m; hành lang bảo vệ đường bộ 10m (2 x 5 m); lộ giới 17,5m.

- Đường huyện lộ:

+ Đường huyện ĐH.NC-16 từ xã (Công Liêm đi Yên Mỹ) đến năm 2030 quy hoạch mới đạt đường cấp IV, mặt cắt ngang như sau: Lòng đường 9,0m; hành lang bảo vệ đường bộ 20m (2 x 10 m); lộ giới 29m.

+ Đường huyện ĐH.NC-15 tuyến song song đường sắt cao tốc, chiều dài 5,6 km, đường cấp V, mặt cắt ngang như sau: Lòng đường 7,5 m; hành lang bảo vệ đường bộ 10m (2 x 5,0 m); lộ giới 17,5 m.

- Đường trục xã: Quy chuẩn chung: Lòng đường: 7,5 m; hành lang bảo vệ đường bộ 3 m (1,5x2) - 10m (2 x 5,0 m); Lộ giới: 10,5 - 17,5 m.

- Đường thôn, ngõ xóm: Các tuyến đường thôn cơ bản đã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới. Trong giai đoạn tới cần tu bổ, sửa chữa cục bộ các tuyến bị xuống cấp và mở rộng các tuyến đường đạt các tiêu chí nông thôn mới nâng cao với tổng chiều dài 17,1 km, quy mô chung như sau: Lòng đường 4,5-5,5 m; hành lang bảo vệ đường bộ 5 (2,5x2)m, lộ giới 9,5-10,5m

- Đường sắt cao tốc: Quy hoạch mới tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam chạy trên địa bàn xã dự kiến dài 5,6km, được quy hoạch theo ngành đường sắt Việt Nam tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 24/08/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quy hoạch bến xe ô tô khách: Quy hoạch bến xe khách thực hiện theo Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 theo đó quy hoạch 1 bến

xe khách tại thôn Thái Yên, quy mô bến xe loại 1.

6.2.2. Cấp điện.

- Toàn xã đã có 9 Trạm biến áp dự kiến đến năm 2030 nhu cầu sử dụng điện tăng lên nên dự kiến quy hoạch 2 trạm biến áp tại khu vực khu dân cư mới tại thôn Hòa Giáo và Tân Luật công suất 320KVA/trạm,

- Di chuyển 2 trạm biến áp tại thôn Giải Trại và Tam Hòa sang vị trí khu tái định cư mới, nâng công suất mỗi trạm là 320KVA/trạm.

- Nâng cấp các trạm biến áp tại thôn Hòa Giáo lên 320KVA, thôn Tân Tiến lên 320KVA, thôn Tân Luật lên 320KVA.

6.2.3. Hạ tầng viễn thông thụ động

- Đến năm 2030 trên địa bàn xã thực hiện việc chuyển đổi các trạm phát sóng thông tin di động loại A2 hiện hữu sang loại A1 theo quy hoạch Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Phân loại trạm phát sóng loại A1, A2 theo Thông tư 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương).

- Xây dựng các tuyến cáp quang, được quy hoạch ngầm theo các tuyến đường giao thông.

- Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

+ Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;

+ Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;

+ Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;

+ Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

6.2.4. Hệ thống cấp nước.

- Đến năm 2030 nguồn nước dùng trong sinh hoạt được lấy từ nhà máy cấp nước xã Thăng Thọ, nguồn nước từ kênh sông Mực (theo QĐ 1699/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng, quy hoạch chung xây dựng KKT Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050) công suất đến năm 2030 là 40.000m³/ngđ)

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Thiết kế hệ thống cấp nước chính từ trạm cấp nước theo các tuyến giao thông đi tới các thôn xóm trên toàn xã.

- Đến năm 2030 sẽ xây dựng đường dây đường ống để cung cấp nước sạch cho tất cả các hộ dân sinh hoạt.

Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt.

Tiết diện đường ống chính: D300

Tiết diện đường ống phân phối: D110-200

Nguồn nước ngầm và nước mặt nước sông được sử dụng cung cấp cho sản

xuất nông nghiệp.

6.3. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

a. Thoát nước mặt:

Tổng thể toàn xã được chia làm 02 tiểu vùng tiêu úng:

Vùng 1: (Phía Tây đường sắt cao tốc) nước được thoát theo hướng từ Tây Bắc sang Đông Nam chảy về mương tiêu thoát nước Rọc Tùng và suối Cỏ Ngựa và chảy về sông Thị Long.

Vùng 2: (Phía Đông đường sắt cao tốc) nước được thoát về mương Rọc Tùng và chảy về sông Thị Long.

Để đảm bảo tiêu úng tốt cho các tiểu vùng, trước mắt cần nạo vét khơi dòng các kênh dẫn nước đảm bảo dòng chảy tốt khi mưa lớn kéo dài; Từng bước kiên cố hóa hệ thống kênh tiêu, mở rộng mặt cắt kênh dẫn nước để có thể chứa nước tạm khi lũ ở sông lên cao. Các trạm bơm và cống tiêu thoát lũ cần có kế hoạch kiểm tra, bảo trì thường xuyên đảm bảo khả năng thoát nước tốt.

b) Thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung. Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

- Nước thải tại các khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh nước được xử lý tại khu xử lý nước thải khu công nghiệp theo quy định rồi mới xả vào hệ thống cống thoát nước ra kênh Rọc Tùng và suối Cỏ Ngựa và chảy về sông Thị Long.

- Riêng với khu trung tâm xã, hệ thống thoát nước làm bằng cống tròn BTCT, chôn ngầm dưới đường giao thông của khu, nước sau khi được xử lý chảy về kênh Rọc Tùng. Đối với các kênh mương có kích thước nhỏ tốt nhất lên thay bằng cống hộp để dòng chảy ổn định hơn, tránh thấm nước và phá vỡ hệ thống đường giao thông.

c. Quy hoạch nghĩa trang.

Hiện có 8,75 ha đất nghĩa trang, nghĩa địa. Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nghĩa địa, các thôn (thôn Thái Sơn và Tân Chính) tổng diện tích 1,01ha

Tập trung an táng, cát táng tại 2 khu nghĩa trang chính tại thôn Tân Luật diện tích 5,51 ha và khu nghĩa trang tại thôn Tân Chính diện tích 2,07 ha, có kế hoạch khoanh vùng riêng khu an táng và cải táng cho phù hợp, trồng cây xanh xung quang khu nghĩa trang đảm bảo môi trường.

Đối với các nghĩa trang khác dần dần đóng cửa, không cho an táng, cát táng trồng có kế hoạch trồng cây xanh cách ly xung quang khu nghĩa trang.

7. Quy hoạch sử dụng đất

7.1. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu

sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

TT	Hạng mục	Ô ký hiệu	Diện tích quy hoạch (ha)	Năm thực hiện
1	Quy hoạch đất ở nông thôn xã Công Chính	OM - 01 đến OM - 04	18,94	2021-2030
2	Quy hoạch đất ở khu trung tâm xã	OM - 05	1,67	2026-2030
3	Quy hoạch đất khu tái định cư thôn Rọc Năn, Tam Hòa, Giã Trại	OM - 06; OM - 07	22,18	2026-2030
4	Quy hoạch mở rộng nhà văn hóa thôn Tân Tiên	DVH - 07	0,42	2021-2025
5	Mở rộng công sở xã	TSC - 01	0,23	2026-2030
6	Quy hoạch sân vận động trung tâm xã	DTT - 03	1,7	2021-2025
7	Quy hoạch trường mầm non	DGD - 03	0,85	2026-2030
8	Quy hoạch đất chợ kết hợp dịch vụ thương mại	DCH - 01	1,23	2021-2025
9	Trụ sở hợp tác xã dịch vụ và dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	TMDV - 01	1,84	2021-2025
10	Quy hoạch sân thể thao Thái Yên	DTT - 05	0,37	2021-2025
11	Quy hoạch sân thể thao Tân Chính	DTT - 01	0,34	2021-2025
12	Quy hoạch nhà văn hóa, sân thể thao thôn Hòa Giáo	DVH - 02	0,49	2021-2025
13	Quy hoạch nhà văn hóa thôn Thái Sơn	DVH - 04	0,37	2021-2025
14	Quy hoạch nhà văn hóa thôn Thái Yên	DVH - 05	0,34	2021-2025
15	Quy hoạch nhà văn hóa thôn Hồng Thái	DVH - 06	0,49	2021-2025
16	Quy hoạch bưu điện xã	DBH - 01	0,02	2021-2025
17	Quy hoạch khu căn cứ Hậu cần kỹ thuật của tỉnh tại Núi Voi	DQP - 01	10,0	2021-2025
18	Quy hoạch nghĩa địa	ND - 01	0,1	2021-2030
19	Quy hoạch nghĩa địa	ND - 02	0,74	2021-2030
20	Khu công nghiệp Công Chính		297,4	2021-2030
21	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh	SKC - 01	2,04	2021-2025
22	Quy hoạch trang trại tổng hợp	NKH - 01	3,62	2021-2025
23	Quy hoạch đường giao thông		1,43	2021-2030
24	Đầu tư xây dựng tuyến đường tỉnh 512 - khu kinh tế Nghi Sơn (đoạn từ nút giao đường Nghi Sơn - Sao Vàng đến nút giao đường tỉnh lộ 529)		10,5	2026-2030
25	Xử lý khẩn cấp đảm bảo an toàn đập Rọc Phường		0,5	2021-2025
26	Mở rộng hồ chức nước đảm bảo an toàn đập Rọc Phường		2,8	2021-2025
27	Mương tiêu Rọc Tùng		9,08	2021-2025
28	Trạm bơm Hồng Thái		1,36	2021-2025
29	Đê bao Hồng Thái		0,64	2021-2025
30	Chống quá tải, giảm tổn thất lưới điện trung áp, hạ áp, các TBA;		0,04	2021-2025
31	Quy hoạch bên xe khách		6,31	2026-2030

7.2. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Đến năm 2025		Đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Đến năm 2025		Đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
Tổng diện tích		1373,88	100,0	1373,88	100,0	1373,88	100,0
1	Đất nông nghiệp	938,96	68,34	918,43	66,85	600,46	43,71
1.1	Đất trồng lúa	293,04	21,33	272,51	19,84	107,54	7,83
1.2	Đất trồng trọt khác	394,22	28,69	390,60	28,43	247,60	18,02
1.3	Đất rừng sản xuất	241,03	17,54	241,03	17,54	231,03	16,82
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	10,67	0,78	10,67	0,78	10,67	0,78
2	Đất xây dựng	405,69	29,53	426,22	31,02	751,09	54,67
2.1	Đất ở nông thôn	260,98	19,00	269,48	19,61	261,07	19,00
2.2	Đất xây dựng công trình	4,22	0,31	8,43	0,61	8,13	0,59
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	4,91	0,36	7,32	0,53	6,72	0,49
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	2,07	0,15	2,07	0,15	2,07	0,15
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,17	0,01	4,05	0,29	301,45	21,94
2.6	Đất hạ tầng kỹ thuật	124,13	9,03	125,16	9,11	139,16	10,13
2.6.1	Đất giao thông	115,34	8,40	115,34	8,40	129,80	9,45
2.6.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	8,75	0,64	9,75	0,71	9,29	0,68
2.6.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,04	0,00	0,07	0,01	0,07	0,01
2.7	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	9,21	0,67	9,71	0,71	22,49	1,64
3	Đất khác	29,23	2,13	29,23	2,13	22,33	1,63
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	21,16	1,54	21,16	1,54	21,16	1,54
3.2	Đất chưa sử dụng	8,07	0,59	8,07	0,59	1,17	0,09

8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Dự án nâng cấp và mua sắm trang thiết bị Y tế.
- Dự án xây mới khu thể thao và các công trình văn hóa xã.
- Dự án nâng cấp trụ sở và mua sắm trang thiết bị UBND xã.
- Dự án xây mới, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao thôn
- Dự án xây dựng mới chợ nông thôn.
- Dự án xây dựng mới trường mầm non và mua sắm trang thiết bị các trường mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở.
- Dự án xây mới, nâng cấp hệ thống giao thông.
- Dự án xây mới, nâng cấp hệ thống kênh mương, hồ đập, trạm bơm
- Dự án xây mới, nâng cấp hệ thống điện.
- Quy hoạch trụ sở Công an xã, ban chỉ huy quân sự xã

- Dự án chỉnh trang quy hoạch chi tiết các nghĩa trang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Công Chính có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Công Chính, huyện Nông Cống đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Công Chính tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Công Chính và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Lợi Đức